

TIẾN SĨ GIẤY^(*)

NGUYỄN KHUYẾN

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

- Cảm nhận được thái độ miệt thị hạng người mang danh khoa bảng mà không có thực chất cùng ý thức tự trào của tác giả.
- Thấy được sự vận dụng tài tình lối thơ song quan cùng những sắc thái giọng điệu phong phú trong bài thơ.

II – NHỮNG ĐIỂM CẦN LUU Ý

1. Về nội dung

Trọng tâm của tiết học là làm rõ thái độ và nghệ thuật châm biếm của tác giả đối với những ông nghè rởm, có danh mà không có thực. Tuy nhiên, không nên

(*) Bài này day chung với bài *Câu cá mùa thu* trong 3 tiết.

bỏ qua giọng tự trào có trong bài. Muốn HS cảm nhận được giọng tự trào này, GV phải biết gợi lại bối cảnh thời đại của bài thơ cùng một số sự kiện trong cuộc đời của tác giả.

Để hiểu sâu bài thơ và cũng là để hướng dẫn tốt hoạt động đọc - hiểu của HS, GV phải có một hiểu biết nhất định về *lối thơ song quan*. Lối thơ song quan (*song quan* : hai cánh cửa) được Nguyễn Khuyến sử dụng ở bài *Tiến sĩ giấy* là lối thơ mà đối tượng được miêu tả trực tiếp trong đó gợi người đọc liên tưởng tới một đối tượng khác có nhiều nét tương đồng về mặt hình thức hoặc tính chất với nó. Khác với hình tượng ẩn dụ thông thường hay thúc đẩy người ta đến nhanh với điều được ám chỉ, hình tượng thơ song quan lại thường gây nên chút phân vân cho người đọc, buộc họ phải "tích cực" nhiều hơn trong việc phân định đâu là điều chính, đối tượng chính mà tác giả muốn nói tới.

2. Về phương pháp

a) Khi dạy học bài thơ này, rất nên tránh việc vội vàng rút ra "ý nghĩa" khi chưa làm rõ sự linh hoạt, biến hoá trong cách sử dụng ngôn ngữ của tác giả. Hiểu được điều nhà thơ muốn nói là cái đích phải đi đến, nhưng chính việc quan tâm khám phá cách nhà thơ nói lại có tác dụng rất lớn trong việc tạo nên tính sinh động của tiết học và phát huy sự mẫn cảm với ngôn ngữ của HS.

b) Nên so sánh bài *Tiến sĩ giấy* được học trong chương trình với một bài thơ khác của Nguyễn Khuyến cũng vịnh ông tiến sĩ giấy để nhận ra nét độc đáo của nó (xem phần IV). Cần làm nổi bật riêng trong cái cười của Nguyễn Khuyến so với cái cười của Trần Tế Xương qua đối sánh các bài gần gũi nhau ở cảm hứng phê phán cái nhố nhăng của xã hội đương thời.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phần mở đầu

GV nói khái quát về sự đa dạng của phong cách thơ Nguyễn Khuyến và vị trí mảng thơ trào phúng trong sự nghiệp thơ văn của ông.

2. Phần nội dung chính

– Hướng dẫn HS đọc phần *Tiểu dẫn*. Nhấn mạnh ý "Bài thơ vừa thể hiện thái độ châm biếm lại vừa có chút tự trào", xem đây như một định hướng cho hoạt động đọc - hiểu ở sau.

– Cho HS đọc bài thơ. Hướng dẫn cách đọc : chú ý làm toát lên giọng điệu châm biếm, mỉa mai cùng một chút cay đắng của bài thơ. Hơi nhấn giọng khi đọc đến từ *cũng*, các cụm từ *sao mà nhẹ, ấy mới hời* và đặc biệt là câu cuối "Nghĩ rằng đồ thật hoá đồ chơi !".

– Tổ chức thảo luận – trả lời các câu hỏi nêu trong phần *Hướng dẫn học bài*.

Câu hỏi 1

Câu hỏi này đơn giản nhưng quan trọng, có ý nghĩa định hướng sự cắt nghĩa, lý giải về bài thơ đồng thời cũng nhắc nhở HS thái độ coi trọng những thông tin được đưa ở các phần *Kết quả cần đạt* và *Tiểu dẫn* trong SGK.

Các đối tượng miêu tả và châm biếm trong bài :

– Những đồ chơi hình ông tiến sĩ làm bằng giấy cùng một ít phẩm màu xanh đỏ, dành cho trẻ em trong dịp tết Trung thu.

– Những kẻ mang danh khoa bảng mà không có thực chất, luôn vênh vang không biết liêm sỉ.

– Chính con người tác giả với thân phận éo le và tình cảnh trớ trêu của ông (đỗ đạt cao, có tài năng, chịu ơn vua, ơn nước đã nhiều mà không làm được gì cho quốc gia, dân tộc trong buổi đất trời nghiêng ngửa).

Tất cả các đối tượng này được hợp nhất vào một hình tượng : ông tiến sĩ giấy.

Câu hỏi 2

Khi phân tích hai câu 1 – 2 không thể bỏ qua từ *cũng*. Sắc thái mỉa mai và dụng ý châm biếm của toàn bài thơ được biểu lộ ngay trong cách lặp từ này. Trong *Từ điển tiếng Việt⁽¹⁾*, từ *cũng* được giải thích như sau : "Từ biểu thị ý khẳng định về một sự giống nhau của hiện tượng, trạng thái, hoạt động, tính chất". Trong hai câu 1 – 2 của bài thơ, từ *cũng* vẫn mang nét nghĩa cơ bản, ổn định như trên khiến ta thoát tiên có thể nghĩ rằng tác giả khen đồ chơi được chế tác khéo, rất giống người thật ; người thật có cờ, biển, cân đai thì "người đồ chơi" cũng chẳng khác ! Nhưng nếu để ý hơn, ta lại thấy : từ *cũng* được thốt ra với giọng điệu miệt thị, do nó xuất hiện liên tiếp tới bốn lần trong hai câu, mà lại đúng vào vị trí đầu của các nhịp thơ. Hơn thế, nó lại đi kèm với những từ chỉ các vật hiếm quý và chỉ tầng lớp người có địa vị đáng nể trong xã hội, khiến sắc thái mỉa mai bật ra : làm sao giống

(1) Hoàng Phê (Chủ biên), NXB Đà Nẵng – Trung tâm Từ điển học, 2003.

được ông nghè thật, bởi cờ, biển, cân, đai đâu có sẵn vậy, đâu dễ cứ giơ tay ra là vờ về được ! Rõ ràng, do được đặt trong một văn cảnh mới, từ *cũng* có thêm được sắc thái ngữ nghĩa mới, giúp nhà thơ tóm bắt được cái *giả* của đối tượng ngay lúc đối tượng giống thật hơn bao giờ hết. Nhưng đối tượng đây là đối tượng nào ? Hắn nhiên, nhà thơ không hoài hơi chế giễu một thứ đồ chơi vô tri. Vậy thì, đối tượng bị chế giễu không còn ai khác ngoài những ông nghè thật – thật mà giả. Như vậy, sự chú ý, cảm thụ của người đọc đã bất ngờ được lái sang một hướng khác.

Nghĩa bê nổi của hai câu 3 – 4 là thuật kể "thành phần cấu tạo" có tính vật chất của ông – tiến – sĩ – đồ – chơi : mấy mảnh giấy được khéo léo cắt, tỉa, bôi, dán ; một chút phẩm đỏ tô mặt – thế là xong !

Nghĩa ngầm của hai câu thơ là nói về giá trị xoàng xĩnh của những ông nghè "thật" ("thật" hiểu theo nghĩa là người bằng xương bằng thịt chứ không phải là người chân chính). Danh phận những ông nghè ấy xem ra chẳng được tạo dựng bằng một nội lực, công phu gì ghê gớm mà ngược lại, bằng một cái gì đó rất mực hình thức, phù phiếm, đến từ phía ngoài.

Tại sao độc giả có thể linh hội được nghĩa ngầm ấy ? Xuất phát điểm của vấn đề nằm ở cách nhà thơ ghép các từ biểu thị những sự vật có giá trị khác hẳn nhau (*mảnh giấy – thân giáp bảng, nét son – mặt văn khôi*) vào trong một kết cấu song hành – đối lập. *Thân giáp bảng* cao trọng dường ấy sao lại có thể được *làm nên* từ vài mảnh giấy mỏng manh, tầm thường ? *Mặt văn khôi* quý hiếm, rõ ràng thế kia sao lại có thể được *điểm rõ* nhờ mấy nét son bôi quệt sơ sài ? Nhưng sự thực đã là thế, vậy thì cái *thân giáp bảng* kia, cái *mặt văn khôi* nọ hoá ra cũng chẳng lấy gì làm danh giá cho lắm. Hướng triển khai của hai câu này cũng tương tự hướng triển khai của hai câu trên, có tác dụng tạo nên ở người đọc thế cảm thụ nước đôi về hình tượng được miêu tả, cuối cùng giúp họ nhận ra ở đây có sự chập một của hai hình tượng *giả* (hình nộm) và *thật* (người) đồng thời linh hội được ý mỉa mai thâm thuý của nhà thơ.

Câu hỏi 3

Câu kết "Nghĩ rằng đồ thật hoá đồ chơi" đến một cách vừa bất ngờ vừa tự nhiên. Nói là *bất ngờ* bởi chính bài thơ đã lập một giao ước ngầm (thông qua nhiều dấu hiệu ngôn từ có thể kiểm chứng được) với độc giả rằng ở đây nhà thơ đang nói về một thứ đồ chơi của con trẻ vào dịp tết Trung thu ; tại sao bỗng dung ông "quên" điều đó để thốt lên *nghĩ rằng đồ thật*, như một lời trách hay như một sự khám phá ? Nhưng nói là *tự nhiên* cũng hoàn toàn hợp lý, bởi trong ý đồ sáng tạo,

nà thơ thực sự chỉ nhắm đến việc bóc trần thực chất trống rỗng của những ông nghè bằng xương, bằng thịt. Rất nhiều chứng cứ ngôn từ trong bài xác nhận điều này. Có thể nói, nếu không "vì" những ông nghè thật (thật mà giả) thì bài thơ đã chẳng được viết ra, hoặc có viết ra mà không hàm chứa một nghĩa lí gì đáng để bàn hết.

Câu hỏi 4

Câu hỏi hướng cho HS làm rõ một ý đã được đề cập ở cuối phần *Tiểu dẫn*. Hướng dẫn HS xem thêm phần *Tri thức đọc - hiểu* để trả lời cho thấu đáo.

Có thể nói, bài thơ còn toát ra ý tự trào bởi nó viết về những ông nghè, mà bản thân Nguyễn Khuyến cũng là người thuộc số đó, dù trên thực tế, ông rất khác với loại "hữu danh vô thực". Vả chăng, Nguyễn Khuyến không bao giờ là kẻ hợp mình, thậm chí còn là người nghiêm khắc với bản thân hơn ai hết. Đã nhiều lần ông tự vịnh, tự trào mình và luôn day dứt với tâm sự "Ôn vua chúa chút báo đền - Cúi trông hổ đất, ngửa lên thận trời" (*Đi chúc*), hoặc "Sách vở ích gì cho buổi ấy - Áo xiêm nghĩ lại thận thân già" (*Ngày xuân dặn các con*). Trong một ít tài liệu có nói tới bài *Tiến sĩ giấy*, người ta từng nhấn mạnh cái đích nhắm tới của bài thơ là châm biếm, phê phán tệ mua quan bán tước. Nhưng ý nghĩa của bài thơ lớn hơn thế. Qua bài thơ, ta thấy tác giả đã mất lòng tin về một hình mẫu con người từng được chế độ phong kiến đề cao và ông hết sức nhạy cảm trong việc phát hiện ra mâu thuẫn giữa cái danh và cái thực ở loại người này. Thước đo của ông, không có gì khác, chính là khả năng *ich gi cho buổi ấy*, tức là khả năng đảm trách được những việc lớn của quốc gia trong thời vận nước đang nguy khốn. Nếu hiểu bài thơ như thế, ta sẽ hết băn khoăn khi cho rằng bài thơ có thoảng ý tự trào.

Câu hỏi 5

Câu hỏi này hướng HS nghĩ rộng ra những vấn đề của đời sống hiện nay sau khi học bài thơ. GV không nên đưa ra những lời kết luận quá vội, mà nên dành cho HS một khoảng tự do trong việc nói lên chủ kiến của mình.

3. Phần cung cố

– Bài thơ *Tiến sĩ giấy* đã thể hiện cái nhìn châm biếm sâu cay đối với những kẻ đỗ đại khoa có danh mà không có thực, đồng thời cũng bộc lộ niềm day dứt về sự tồn tại vô vị của mẫu hình con người nhà thơ trước những đòi hỏi mới của thời cuộc.

– Lối thơ song quan đã được sử dụng rất có hiệu quả trong bài thơ, đưa tới cho người đọc những bất ngờ thú vị. Sự phong phú của các sắc thái giọng điệu đã tạo cho bài thơ một phẩm chất trữ tình rất sâu, đưa nó vượt lên trên những bài chỉ có thuần giọng đả kích và chế giễu.

IV – HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BÀI TẬP NÂNG CAO

Những bài thơ khác của Nguyễn Khuyến có cùng hoặc gần chủ đề với bài được học trong chương trình :

TIẾN SĨ GIẤY (I)

*Rõ chú hoa man⁽¹⁾ khéo vẽ trò,
Bốn ông mà lại dứt thẳng cu.
Mày râu mặt đó chừng bao tuổi,
Giấy má nhà bay đáng mấy xu ?
Bán tiếng, mua danh thay lũ trẻ,
Bảng vàng bia đá vẫn nghìn thu.
Hỏi ai muốn ước cho con cháu,
Nghĩ lại đời xưa mấy kiếp tu.*

MỪNG ÔNG NGHÈ MỚI ĐỖ

*Anh mừng cho chú đỗ ông nghè,
Chẳng đỗ thì trời cũng chẳng nghe.
Ân tứ⁽²⁾ dám đâu coi rẻ rúng,
Vinh quy ắt hẳn rước tùng xoè.
Rượu ngon ả nợ khôn đường tránh,
Hoàn⁽³⁾ đẹp nàng này khó nhẽ che.
Hiển quý⁽⁴⁾ đến nay đã mới rõ,
Rõ từ những lúc tổng chưa đe.*

(1) *Hoa man* : người thợ làm hàng mã.

(2) *Ân tứ* : ơn vua ban, mỗi ông nghè được vua ban cho một cái biển sơn son thếp vàng để bốn chữ "Ân tứ vinh quy".

(3) *Hoàn* : một loại hoa tai vàng, phụ nữ quyền quý ngày xưa thường đeo.

(4) *Hiển quý* : danh giá, sang trọng.

TỰ TRÀO

*Cũng chẳng giàu mà cũng chẳng sang,
Chẳng gầy, chẳng béo chỉ làng nhàng.
Cờ đương dở cuộc không còn nước,
Bạc chúa thâu canh đã chạy làng.
Mở miệng nói ra gàn bát sách,
Mềm môi chén mài tít cung thang.
Nghĩ mình lại góm cho mình nhỉ,
Thế cũng bia xanh, cũng bảng vàng.*

ĐẦU XẢO KÍ VĂN (Ghi những điều nghe thấy trong cuộc đấu xảo)

...
*Xứ tôi xoàng xĩnh không gì khéo,
Tượng gỗ cân đai gọi góp phần !*

(Tâm thường tệ áp vô tha xảo,
Liêu tác quan thường mộc ngẫu nhân !)

(Thơ văn Nguyễn Khuyến, Sđd)

Qua các bài thơ trên, có thể thấy Nguyễn Khuyến đã hiểu thấu bản chất của thời cuộc với sự lèn ngôi của cái nhố nhăng, sự tuột dốc của các giá trị tinh thần vốn một thời được đề cao, trọng vọng, sự bất lực của những kẻ mũ cao áo dài trước đòi hỏi của hiện tình đất nước. Nguyễn Khuyến cũng tỏ cái nhìn đầy nghi ngờ về hình mẫu con người được đào tạo nơi "cửa Khổng sảnh Trình" mà bản thân ông, oái oăm thay, là một ví dụ sinh động. Trong con mắt của ông, con người lí tưởng truyền thống bây giờ chỉ còn là cái vỏ rỗng tuếch.

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

- *Thơ văn Nguyễn Khuyến, Sđd.*
- *Nguyễn Khuyến – Vẽ tác gia và tác phẩm, Sđd.*